

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH**

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

**ĐỀ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LỚP 12 THPT, GDTX
NĂM HỌC 2022-2023**

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi 001

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khoáng sản nào sau đây được khai thác ở Sinh Quyền?

- A. Graphit. B. Apatit. C. Đồng. D. Than đá.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 27 nối với quốc lộ 1 ở địa điểm nào sau đây?

- A. Quy Nhơn. B. Nha Trang.
C. Phan Rang - Tháp Chàm. D. Tuy Hòa.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất nhỏ nhất?

- A. Phúc Yên. B. Việt Trì. C. Hải Phòng. D. Hà Nội.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ ?

- A. Bờ Y. B. Xa Mát. C. Cầu Treo. D. Mộc Bài.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng. B. Quy Nhơn.
C. TP. Hồ Chí Minh. D. Biên Hòa.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng Tây - Đông?

- A. Pu Đen Đinh. B. Hoàng Liên Sơn. C. Bạch Mã. D. Tam Điệp.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

- A. Thanh Hóa. B. Cần Thơ. C. Trường Sa. D. Hoàng Sa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện Đa Nhim thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lâm Đồng. B. Bình Thuận. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất miền Bắc?

- A. Na Dương. B. Phả Lại. C. Ninh Bình. D. Uông Bí.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim màu?

- A. Biên Hòa. B. Thủ Dầu Một. C. Tân An. D. Long Xuyên.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Đơn Dương thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Ba. B. Mê Công. C. Đồng Nai. D. Thu Bồn.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây **không** có đường biên giới với Cam-pu-chia?

- A. Quảng Nam. B. Bình Phước. C. Long An. D. Kiên Giang.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết các loại cây công nghiệp nào sau đây trồng chủ yếu ở Kon Tum?

- A. Chè, cà phê. B. Cà phê, hồ tiêu. C. Cà phê, bông. D. Cao su, cà phê.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía bắc cảng Cửa Gianh?

- A. Vũng Áng. B. Chân Mây. C. Nhật Lệ. D. Thuận An.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có lễ hội truyền thống?

- A. Vinh. B. Hạ Long. C. Lạng Sơn. D. Hải Phòng.

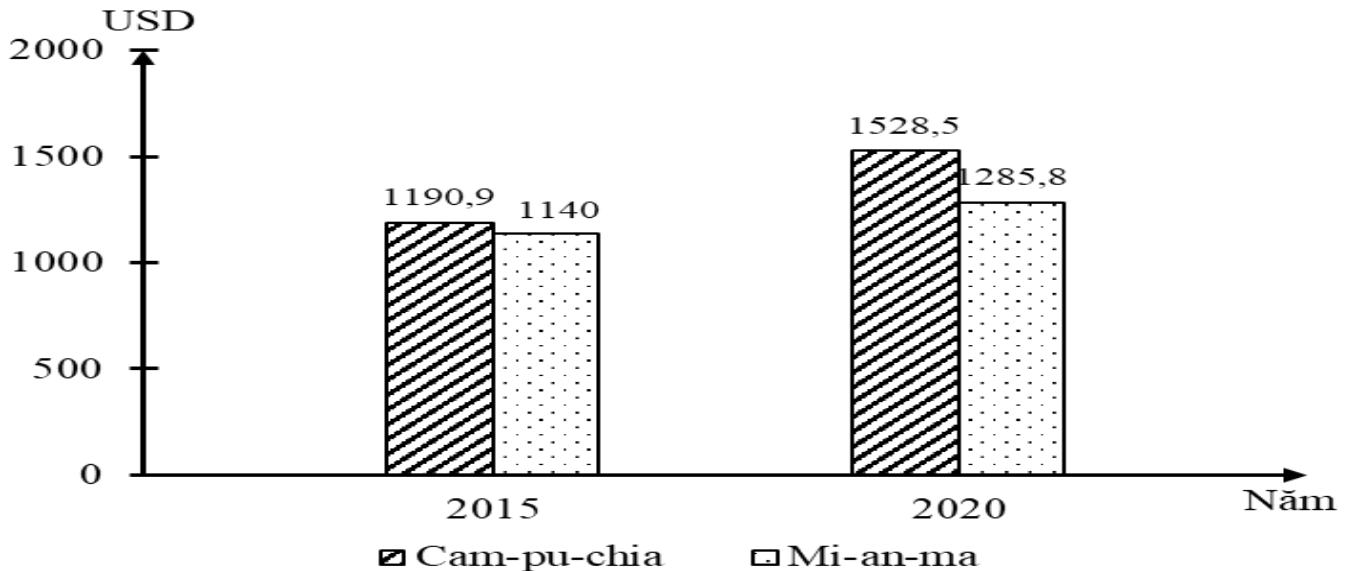
Câu 56: Giải pháp có ý nghĩa hàng đầu để tăng hệ số sử dụng đất ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. trồng các giống cây chịu hạn. B. cơ giới hóa nông nghiệp.
C. xây dựng công trình thủy lợi. D. thay đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 57: Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay là

- A. sản xuất ô tô. B. luyện kim. C. đóng tàu. D. dệt, may.

Câu 58: Cho biểu đồ:



GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA CAM-PU-CHIA VÀ MI-AN-MA NĂM 2015 VÀ 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi GDP bình quân đầu người năm 2020 so với năm 2015 của Cam-pu-chia và Mi-an-ma?

- A. Cam-pu-chia tăng chậm hơn Mi-an-ma. B. Mi-an-ma tăng, Cam-pu-chia giảm.
C. Mi-an-ma tăng gấp hai lần Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia tăng nhiều hơn Mi-an-ma.

Câu 59: Công nghiệp chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung chủ yếu ở

- A. các khu vực thưa dân. B. vùng có lao động kỹ thuật.
C. các đô thị lớn. D. cảng biển lớn.

Câu 60: Biện pháp được sử dụng trong bảo vệ đất ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang. B. đào hồ kiểu vẫy cá.
C. trồng cây theo băng. D. chống nhiễm mặn.

Câu 61: Sản xuất lương thực ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu. B. phát triển theo hướng cơ giới hóa.
C. hoàn toàn tập trung ở vùng đồng bằng. D. chỉ đầu tư phát triển cây hoa màu.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2015	2017	2019	2020
In-đô-nê-xi-a	854953,1	1014090,4	1121139,1	1059146,1
Ma-lai-xi-a	298716,0	321384,1	364616,1	337286,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

- A. In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a tăng gấp đôi Ma-lai-xi-a. D. Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 63: Hiện tượng thời tiết cực đoan thường hay xảy ra vào mùa đông ở miền núi phía Bắc nước ta là

- A. lũ quét và ngập lụt. B. xói mòn và trượt lở đất.
C. sương muối và rét hại. D. nhiễm mặn và cát bay.

Câu 64: Cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

- A. tăng dịch vụ, giảm công nghiệp.
- B. tăng công nghiệp, giảm nông nghiệp.
- C. giảm chăn nuôi, tăng trồng trọt.
- D. giảm chế biến, tăng khai khoáng.

Câu 65: Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta phát triển thuận lợi hơn nhờ

- A. khắc phục được thiên tai, bệnh dịch.
- B. dịch vụ thủy sản, công nghệ chế biến.
- C. lao động đông, nhiều kinh nghiệm.
- D. khai thác rừng ngập mặn, cải tiến ngư cụ.

Câu 66: Hướng chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. đa dạng hóa loại hình, tạo nhiều sản phẩm, nâng cấp cơ sở hạ tầng.
- B. mở rộng mạng lưới, đào tạo lao động, phát triển nhiều ngành nghề thủ công.
- C. tập trung khai thác tự nhiên, mở rộng dịch vụ, thu hút vốn đầu tư.
- D. tăng cường quảng bá, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Câu 67: Nghề làm muối ở nước ta hiện nay

- A. áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại.
- B. cung cấp sản phẩm xuất khẩu chủ lực.
- C. phát triển mạnh ở nhiều tỉnh ven biển.
- D. phát triển mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ.

Câu 68: Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. có tỉ lệ dân nông thôn tăng nhanh.
- B. có cơ sở hạ tầng đô thị hiện đại.
- C. các đô thị đều có quy mô rất lớn.
- D. có nhiều loại đô thị khác nhau.

Câu 69: Để giải quyết vấn đề việc làm của nước ta hiện nay cần

- A. phát triển chủ yếu ngành dịch vụ.
- B. đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.
- C. phát triển mạnh ngành chăn nuôi.
- D. tập trung phát triển ngành công nghiệp.

Câu 70: Đường biên giới trên đất liền của nước ta được xác định theo các dạng địa hình đặc trưng là

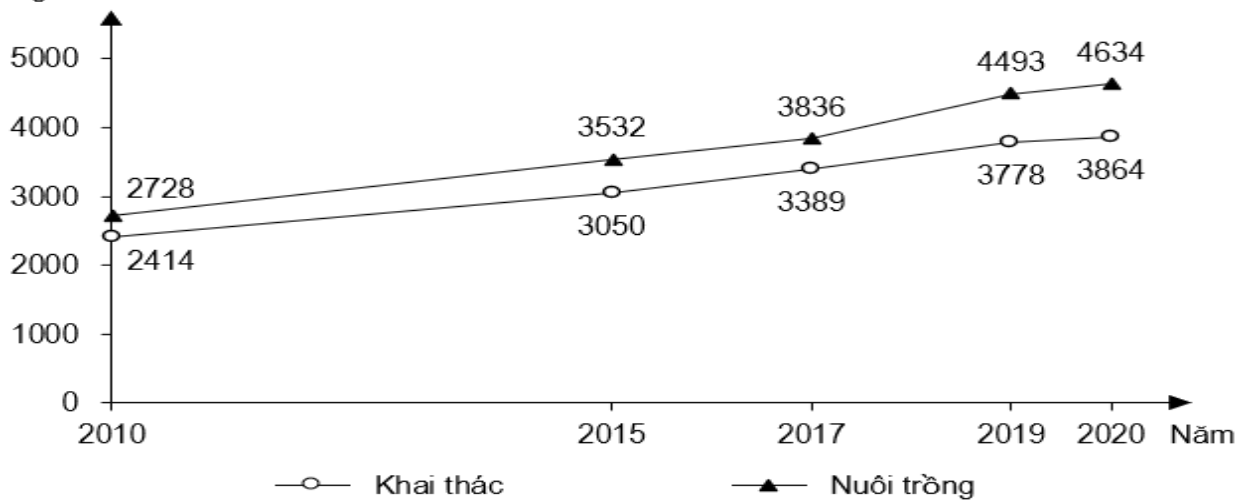
- A. vùng nước phía trong đường cơ sở.
- B. ranh giới ngoài của lãnh hải.
- C. hệ thống các đảo, quần đảo ven bờ.
- D. các đỉnh núi, đường sống núi.

Câu 71: Thị trường nhập khẩu của nước ta ngày càng mở rộng chủ yếu do

- A. kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu sâu.
- B. đẩy mạnh hiện đại hóa, sản xuất phát triển.
- C. thúc đẩy đô thị hóa, mức sống dân cư tăng.
- D. thay đổi cơ cấu kinh tế, mở rộng sản xuất.

Câu 72: Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2010 - 2020:

Ngàn tấn



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
- B. Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
- C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.
- D. Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng.

Câu 73: Hướng phát triển của ngành bưu chính nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung tại đồng bằng, đô thị.
- B. đẩy mạnh tin học hóa, cơ giới hóa.
- C. sử dụng lao động chưa qua đào tạo.
- D. tăng quy trình nghiệp vụ thủ công.

Câu 74: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây cao su ở vùng Tây Nguyên là

- A. sử dụng nhiều lao động, mở rộng diện tích.
- B. tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.
- C. sản xuất tập trung, sử dụng nhiều giống tốt.
- D. mở rộng thị trường, phát triển các trang trại.

Câu 75: Mục đích chủ yếu của việc phát triển cảng biển nước sâu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phân bố lại dân cư và lao động, phát triển du lịch, góp phần vận tải hành khách.
- B. thu hút đầu tư, phát triển kinh tế mở, tiền đề hình thành khu công nghiệp.
- C. đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập.
- D. khai thác thế mạnh của biển, phát triển kinh tế hàng hóa, tăng mức sống.

Câu 76: Khó khăn chủ yếu trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

- A. xâm nhập mặn vào mùa khô, thị trường biến động, dịch bệnh.
- B. diện tích mặt nước giảm, hạn hán kéo dài, thiếu cơ sở chế biến.
- C. bão hoạt động mạnh, lũ lụt kéo dài, giống năng suất thấp.
- D. ngập lụt kéo dài, triều cường xâm lấn, thiếu lao động.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường, tăng khai khoáng.
- B. thu hút đầu tư, đa dạng sản phẩm, xây dựng cảng biển mới.
- C. thu hút lao động, đảm bảo nguyên liệu, gia tăng chế biến.
- D. đào tạo lao động, thu hút đầu tư, phát triển khoa học kỹ thuật.

Câu 78: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

- A. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.
- B. gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình núi.
- C. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.
- D. núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Lúa đông xuân	Lúa hè thu và thu đông	Lúa mùa
2010	40005,6	19216,8	11686,1	9102,7
2015	45091,0	21091,7	15341,3	8658,0
2018	43979,2	20603,0	15111,3	8264,9
2021	43852,6	20628,8	15163,5	8060,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng lúa phân theo mùa vụ của nước ta giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Đường.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển hệ thống sân bay ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thúc đẩy hoạt động giao lưu, phát triển kinh tế.
- B. tăng năng lực giao thông, thúc đẩy hiện đại hóa.
- C. đẩy mạnh hoạt động du lịch, nâng vị thế vùng.
- D. đáp ứng nhu cầu dân cư, tăng hội nhập quốc tế.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH

ĐÁP ÁN
ĐỀ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LỚP 12 THPT, GDTX
NĂM HỌC 2022-2023
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Câu hỏi	Mã đề thi											
	001	002	003	004	005	006	007	008	009	010	011	012
41	C	D	C	B	B	A	D	A	A	B	A	D
42	C	B	C	C	C	A	C	D	A	D	A	A
43	B	A	A	A	C	B	A	C	C	C	A	D
44	C	A	D	D	A	D	D	A	B	C	B	A
45	A	D	C	C	D	D	B	D	D	B	D	C
46	C	A	A	B	D	B	C	B	C	C	A	B
47	C	C	C	B	C	B	D	A	C	C	A	B
48	D	A	B	C	B	B	B	B	D	B	C	D
49	B	B	B	B	A	D	A	B	C	B	B	C
50	A	A	A	B	B	B	C	D	B	D	D	C
51	C	A	D	A	A	D	A	D	A	A	B	B
52	A	B	A	B	A	B	D	A	A	D	C	D
53	D	A	C	A	A	C	B	C	C	B	C	A
54	A	B	C	B	B	A	B	A	B	A	C	C
55	D	B	B	B	D	A	C	C	B	A	A	C
56	C	D	D	A	C	A	C	B	C	C	B	D
57	D	D	D	C	D	C	A	B	D	C	A	B
58	D	C	D	D	B	A	C	C	B	D	D	A
59	C	A	A	C	A	D	D	B	D	B	D	D
60	D	D	A	D	C	B	C	B	C	C	A	A
61	B	C	C	D	D	C	B	D	A	A	C	B
62	A	B	C	C	C	D	B	C	A	D	B	C
63	C	D	B	D	B	A	C	D	B	D	D	B
64	B	D	A	D	D	D	D	B	C	A	D	B
65	B	C	C	D	A	D	A	B	A	D	B	A
66	D	B	A	B	A	C	A	C	B	A	A	A
67	C	B	D	D	D	D	D	C	D	D	C	D
68	D	D	B	A	D	A	B	D	A	D	B	B
69	B	A	B	D	A	B	D	A	B	A	C	D
70	D	A	B	C	C	D	C	C	C	C	D	C
71	A	C	A	A	D	C	A	A	D	B	B	C
72	A	B	D	B	C	C	D	A	A	C	B	D
73	B	D	D	A	B	C	B	B	D	D	C	B
74	B	B	B	A	A	C	B	D	B	B	C	A
75	B	C	A	C	B	C	A	D	B	A	D	D
76	A	C	B	A	B	C	D	C	D	C	D	A
77	D	C	D	C	D	B	B	A	C	B	A	B
78	B	D	C	C	B	A	A	C	D	A	C	A
79	A	C	B	D	C	A	A	D	A	B	B	C
80	A	C	D	A	C	B	C	A	D	A	D	C

-----Hết-----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH**

**ĐÁP ÁN
ĐỀ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LỚP 12 THPT, GDTX
NĂM HỌC 2022-2023
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ**

Câu hỏi	Mã đề thi											
	013	014	015	016	017	018	019	020	021	022	023	024
41	A	D	C	D	D	D	B	A	A	C	A	C
42	B	A	C	C	B	B	C	B	C	C	A	A
43	D	A	A	C	A	B	C	C	B	D	A	C
44	D	D	B	D	A	B	C	C	C	A	C	A
45	C	B	C	D	B	D	B	B	D	B	D	C
46	A	C	D	C	A	B	B	D	D	B	C	D
47	B	D	A	C	C	A	D	B	B	B	A	A
48	B	B	A	A	D	C	A	C	A	C	B	B
49	A	B	B	D	C	C	C	B	C	A	C	C
50	C	C	D	A	B	C	A	D	A	B	C	C
51	A	C	A	B	C	D	D	C	D	D	B	C
52	B	C	C	A	D	A	B	A	A	A	B	D
53	D	A	A	C	A	C	C	A	A	A	C	B
54	C	C	A	A	C	D	B	D	B	D	B	D
55	D	A	C	C	B	D	A	C	B	D	D	D
56	C	B	B	D	A	D	A	B	A	A	D	D
57	D	D	B	C	D	B	C	B	C	C	B	D
58	B	B	D	A	C	D	C	B	D	C	D	A
59	B	D	C	B	A	A	D	D	C	B	C	A
60	D	C	C	B	B	A	A	A	C	B	D	B
61	A	A	C	D	C	B	D	B	B	B	C	C
62	D	B	D	A	A	C	A	D	B	D	C	A
63	C	B	B	B	D	D	D	C	D	A	D	A
64	B	A	B	C	D	B	D	C	C	C	B	D
65	B	C	A	D	B	A	D	D	C	D	D	C
66	C	D	D	B	D	A	B	D	B	A	B	D
67	C	C	B	B	C	D	D	A	D	D	C	A
68	A	A	C	A	A	D	B	B	D	C	D	B
69	D	B	D	C	A	B	C	A	C	C	B	B
70	B	C	B	D	B	C	A	C	A	D	A	C
71	A	A	A	D	B	C	B	D	C	A	A	A
72	A	B	A	B	D	A	A	A	B	A	A	B
73	A	C	C	A	C	C	A	A	A	C	C	B
74	D	A	D	A	A	A	C	B	B	B	D	D
75	C	D	D	B	D	A	B	A	D	D	B	B
76	C	D	B	B	D	B	B	A	D	A	A	B
77	B	D	D	A	C	A	D	C	A	B	A	A
78	D	B	A	C	B	C	C	D	B	D	B	D
79	A	D	D	B	C	C	A	C	A	C	D	C
80	C	A	B	D	B	B	D	D	D	B	A	B

-----Hết-----